

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM T.P. HỒ CHÍ MINH**

LÊ VĂN NHẬT

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH ĐẮK LẮK TRONG
THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA**

**Chuyên ngành: Địa lí học
Mã số chuyên ngành: 62.31.05.01**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ ĐỊA LÍ HỌC

TP. Hồ Chí Minh năm 2014

MỞ ĐẦU

1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Là một tỉnh miền núi, nằm ở trung tâm vùng Tây Nguyên (TN), có diện tích tự nhiên vào loại lớn nhất cả nước, Đắk Lắk có vị trí chiến lược quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội (KT – XH), đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái với tiềm năng to lớn về quỹ đất cho phát triển nông, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến nông- lâm sản, dự trữ thủy năng cho công nghiệp điện, phát triển thương mại và dịch vụ... Trong quá trình đổi mới kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), nền kinh tế của tỉnh đã có những thay đổi cơ bản về cả phương diện ngành và lãnh thổ. GDP năm 2010 tăng gấp 3,8 lần năm 2004 (năm chia tách tỉnh Đắk Lắk thành Đắk Lắk và Đắk Nông), đạt 25.353,8 tỉ đồng, đứng đầu vùng TN và thứ 7/63 tỉnh, thành phố (TP); tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) giai đoạn 2004 - 2010 là 11,3%/năm, cao hơn mức trung bình của cả nước và vùng Tây Nguyên. Bình quân GDP/người/năm liên tục tăng, từ 4,1 triệu đồng lên 14,5 triệu đồng. Cơ cấu GDP có sự chuyển dịch nhưng khu vực I vẫn chiếm ưu thế với 53,1%. Cơ cấu kinh tế (CCKT) theo lãnh thổ cũng có sự chuyển biến tích cực, đã xuất hiện các hình thức tổ chức lãnh thổ gắn với CNH, HĐH như vùng chuyên canh cà phê lớn nhất Tây Nguyên và cả nước, vùng ngô quy mô lớn; các Cụm và Khu công nghiệp; các Khu du lịch quốc gia (Yok Đôn) và Điểm du lịch quốc gia (Hồ Lắk), Cụm du lịch (Buôn Ma Thuột và phụ cận),....

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả khả quan, nhưng kinh tế Đắk Lắk đang đối mặt với nhiều thách thức: nền kinh tế vẫn trông cậy nhiều vào nông, lâm nghiệp (tỉ trọng cao thứ 2 ở vùng TN và thứ 3 cả nước), khu vực công nghiệp còn nhỏ bé (18,5% năm 2010), chuyển dịch CCKT còn chậm, cơ sở hạ tầng (CSHT) và cơ sở vật chất (CSVC) kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu CNH, HĐH; GDP/người còn thấp (đứng thứ 4/5 tỉnh ở vùng TN và thứ 47/63 tỉnh, TP cả nước. Tỉ lệ hộ nghèo, nhất là hộ dân tộc ít người còn cao (chiếm 21,9% năm 2010, cao hơn mức trung bình cả nước 14,2%).

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010- 2015 đã xác định phương hướng chung: “...*Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp CNH, HĐH; chuyển dịch CCKT theo hướng công nghiệp, dịch vụ gắn với sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường sinh thái; thực*

hiện tốt an sinh xã hội; đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững trật tự - an toàn xã hội. Xây dựng Đắk Lắk trở thành trung tâm vùng Tây Nguyên và đóng vai trò quan trọng đưa Tây Nguyên trở thành vùng kinh tế động lực của cả nước”.[80]

Để thực hiện thành công những mục tiêu trên ngoài sự nỗ lực to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Đắk Lắk, việc phân tích, đánh giá đầy đủ và toàn diện các nguồn lực sẵn có trên lãnh thổ và xác định CCKT hợp lý là rất quan trọng và cần thiết.

Với mong muốn được vận dụng những lý luận vào thực tiễn nghiên cứu khoa học, và góp một phần nhỏ bé vào thành công chung của sự phát triển bền vững nền kinh tế của tỉnh, nơi đang sinh sống và công tác, tôi đã quyết định lựa chọn đề tài: **“Phát triển kinh tế tỉnh Đắk Lắk trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”.**

2. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

2.1. Trên thế giới

Phát triển kinh tế (PTKT) là một vấn đề được các quốc gia trên thế giới quan tâm. Các vấn đề về PTKT và CCKT nhất là trong thời kỳ công nghiệp hóa không còn là mới. Nhiều nước trên thế giới nhờ nắm bắt được thời cơ, khai thác các thế mạnh và có chính sách phát triển đúng đắn đã nền kinh tế có mức tăng trưởng cao và trở thành nước công nghiệp phát triển. Về PTKT trên thế giới từ trước tới nay đã có nhiều công trình nghiên cứu.

Học thuyết kinh tế của C. Mác khẳng định PTKT do bốn yếu tố nguồn lực quyết định là tài nguyên thiên nhiên, vốn, lao động và công nghệ. Đồng thời, ông còn nhấn mạnh về sở hữu các nguồn lực, động lực khai thác các nguồn lực và vấn đề sử dụng các lợi thế để PTKT [103, tr 28]. C. Mác (1818- 1883) không chỉ là nhà chính trị học, xã hội học, lịch sử và triết học, mà còn là nhà kinh tế học xuất sắc. C. Mác đăng quyển I bộ Tư Bản [dẫn theo 50, trang 73, 74] đã chi hoạt động xã hội ra hai lĩnh vực: sản xuất vật chất và phi sản xuất. Theo ông, chỉ có sản xuất vật chất mới sáng tạo ra sản phẩm xã hội. C. Mác cũng là người đưa ra khái niệm Tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân để đánh giá kết quả hoạt động của nền kinh tế.

Trong hệ thống lý thuyết PTKT, *lý luận về giai đoạn PTKT* [50] là cơ sở lý thuyết quan trọng, do nhà lịch sử kinh tế người Mỹ, *Walter W. Rostow* đưa ra. Trong cuốn “Các giai đoạn PTKT”, ông đã nêu lên một cách tổng hợp theo lịch sử về những bước khởi đầu về quá trình PTKT hiện đại. Theo mô hình Rostow, quá trình PTKT của mỗi quốc gia được chia thành 5 giai đoạn: *xã hội truyền thống, giai*

đoạn tạo tiền đề để cất cánh, giai đoạn cất cánh, giai đoạn trưởng thành và mức tiêu dùng cao, giai đoạn theo đuổi chất lượng sống và ứng với mỗi giai đoạn là một CCKT đặc trưng thể hiện bản chất phát triển của giai đoạn ấy. Trong đó, then chốt nhất là giai đoạn “cất cánh”. Để chuẩn bị điều kiện cất cánh kinh tế, theo Rostow phải có một hoặc nhiều ngành làm chủ đạo cho “cất cánh”. Sự chuyển giai đoạn PTKT biểu hiện ở sự thay đổi tuần tự các ngành chủ đạo. Mô hình W. Rostow mặc dù còn có hạn chế về cơ sở của sự phân đoạn trong PTKT cũng như sự nhất quán về đặc trưng của mỗi giai đoạn so với thực tế; tuy nhiên mô hình này đã chỉ ra một sự lựa chọn hợp lý về cơ cấu ngành tương ứng với mỗi giai đoạn phát triển nhất định ở mỗi quốc gia, địa phương và cũng là những gợi ý quan trọng để nghiên cứu sinh phân tích về CCKT và sự chuyển dịch CCKT ở tỉnh Đắk Lắk.

Học thuyết Keynes: do John Maynard Keynes (1883- 1946), nhà kinh tế học người Anh trình bày trong tác phẩm “Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ”, xuất bản năm 1936, trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng nền kinh tế thế giới 1929- 1933. Keynes cho rằng nền kinh tế của một quốc gia có thể đạt tới và duy trì một sự cân đối ở một mức sản lượng nào đó, dưới mức công ăn việc làm đầy đủ cho mọi người, tại nơi mà những khoản chi tiêu mới cho đầu tư được hình thành từ các khoản tiết kiệm đang được đưa vào hệ thống. Ông cũng đánh giá cao vai trò của tiêu dùng trong việc xác định sản lượng. Việc giảm xu hướng tiêu dùng sẽ làm cho cầu tiêu dùng giảm và đây chính là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự trì trệ trong hoạt động kinh tế. Trong tác phẩm của mình, Keynes cũng cho rằng, đầu tư đóng vai trò quyết định đến quy mô việc làm. Ông sử dụng lí luận về việc làm và sản lượng do cầu quyết định để giải thích mức sản lượng thấp và thất nghiệp cao kéo dài trong những năm 30 ở hầu hết các nước công nghiệp phương Tây. Lý thuyết này gọi là thuyết trọng cầu. Học thuyết Keynes có ảnh hưởng rất lớn đến đường lối kinh tế của nhiều nước TBCN phát triển, đặc biệt là nước Mỹ. Các nước đang phát triển trong thời kì CNH, HĐH cũng đã vận dụng học thuyết Keynes ở những lí luận về đảm bảo sự cân bằng cho nền kinh tế, ở những khuyến cáo phát triển nhiều hình thức hoạt động để nâng cao tổng cầu và việc làm trong xã hội, ở vai trò của Chính phủ đối với quá trình tăng trưởng kinh tế như sử dụng ngân sách của Nhà nước để kích thích đầu tư, trợ cấp vốn cho các doanh nghiệp...nhờ đó có thể hạn chế mức độ lạm phát và thất nghiệp, tăng mức sản lượng tiềm năng...(J. M Keynes: Lý thuyết tổng quan về việc làm, lãi suất và tiền tệ, 1995, Viện Nghiên cứu quản lí kinh tế Trung ương).

Lý thuyết phát triển các điểm trung tâm của W. Christaller [dẫn theo 101]

Vào đầu những năm 1930, W. Christaller (Mỹ) đưa ra lý thuyết phát triển các điểm trung tâm (1933). Ông đã góp phần to lớn vào việc tìm ra quy luật phát triển của toàn bộ hoạt động sản xuất vật chất và phi sản xuất theo không gian, là ý tưởng cho việc nghiên cứu tổ chức không gian kinh tế - xã hội (KT – XH) sau này.

W. Christaller cho rằng, không có nông thôn nào lại không chịu sự tác động của một cực hút, đó là TP. TP là trung tâm đối với tất cả các điểm dân cư còn lại trong vùng, đảm bảo cung cấp hàng hóa cho chúng. Các trung tâm tồn tại theo nhiều cấp, từ thấp đến cao. Các trung tâm cấp cao có khả năng lựa chọn hàng hóa và dịch vụ. Ông cho rằng, TP có vai trò như những cực phát triển và là hạt nhân cho sự phát triển. Nó trở thành đối tượng để đầu tư, trên cơ sở sức hút và mức độ ảnh hưởng đến các vùng xung quanh thông qua bán kính tiêu thụ các sản phẩm.

Lý thuyết trung tâm của W. Christaller đã được A. Losch bổ sung và phát triển. Công lao của W. Christaller và A. Losch ở chỗ đã khám phá ra quy luật phân bố không gian từ tương quan giữa các điểm dân cư, phát hiện một trật tự được tính toán trong sự phân bố các TP và nông thôn. Điều đó được áp dụng khi quy hoạch các điểm dân cư trên những lãnh thổ mới khai phá, hoặc nghiên cứu các hệ thống không gian, hay làm cơ sở xác định các nút trọng điểm trong một lãnh thổ nhất định. Về mặt thực tiễn, lý thuyết này là cơ sở để bố trí các điểm đô thị mới cho những vùng còn trống vắng đô thị.

Lý thuyết phát triển các cực [101] của nhà kinh tế học người Pháp François Perroux được đưa ra vào những năm 1950. Ông phát hiện ra rằng, một vùng không thể PTKT đều đặn ở tất cả các điểm trên lãnh thổ vào cùng một thời gian. Xu hướng chung là có một hoặc một vài điểm phát triển mạnh nhất, trong khi đó các điểm khác lại chậm phát triển hay bị trì trệ. Tất nhiên, các điểm phát triển nhanh là các điểm có lợi thế so với toàn vùng. Ông đã đưa ra khái niệm về cực tăng trưởng. Đó là các trung tâm mới hình thành và đang phát triển; nó là một hệ thống hay một phức hợp những hoạt động mang nhiều tính thụ động; chịu ảnh hưởng thúc đẩy từ bên ngoài. Nhịp độ phát triển cực tăng trưởng thường là mạnh, bởi chúng phản ứng mạnh và nhanh đối với những sức thúc đẩy, sức lôi cuốn từ các cực phát triển. Trên cơ sở lực hút và lực đẩy của mỗi trung tâm mà hình thành nên vùng ảnh hưởng của nó tới xung quanh. Từ triển vọng phạm vi ảnh hưởng của mỗi trung tâm người ta có thể xác định được khu vực lãnh thổ để xây dựng điểm đô thị mới,

làm cho tất cả các lãnh thổ đều có đô thị hạt nhân, hay nói cách khác không để lãnh thổ nào trống vắng đô thị.

Lý thuyết cực tăng trưởng được áp dụng tương đối rộng rãi ở châu Á, nhất là các nước ASEAN. Nhiều kinh nghiệm đã được tích lũy và có giá trị đối với các quốc gia cần huy động vốn đầu tư nước ngoài. Đây cũng là lý thuyết giải thích sự cần thiết của việc PTKT theo lãnh thổ theo hướng phát triển có trọng điểm.

Lý thuyết phát triển phi cân đối: vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX, người Trung Quốc đề xướng chủ trương phát triển vùng ven biển để tạo động lực. Đó là ý tưởng của lý thuyết phát triển phi cân đối để lựa chọn không chỉ các ngành mũi nhọn, mà còn nhằm lựa chọn những lãnh thổ có vai trò động lực để tập trung đầu tư phát triển đối với chúng. Lý thuyết này cho rằng, đối với mỗi nền KT quốc dân sẽ có những ngành, lĩnh vực có lợi thế phát triển thành những ngành, lĩnh vực mũi nhọn; có những lãnh thổ do hội tụ được nhiều điều kiện thuận lợi, nếu tập trung đầu tư sẽ trở thành lãnh thổ động lực làm đầu tàu lôi kéo sự phát triển chung. Theo quan điểm đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm trước hết tập trung sức lực phát triển những ngành, lĩnh vực, lãnh thổ có ý nghĩa động lực để tạo đột phá cho sự phát triển chung [26, tr26].

Về hội nhập kinh tế quốc tế: trên thế giới ngày nay, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã mở ra một thời kì mới cho sự phát triển. Các hoạt động KT không còn đóng khung trong phạm vi một quốc gia, mà đã vượt ra khỏi những ranh giới cứng nhắc, để lan tỏa thâm nhập vào nhau, chi phối ràng buộc lẫn nhau thông qua các thể chế KT quốc tế song phương và đa phương. Hội nhập là xu thế tất yếu đã được dự đoán và khái niệm hội nhập xuất phát từ phương Tây, được sử dụng nhiều từ giữa thập niên 90 trở lại đây.

Hội nhập KT được hiểu là sự gắn kết nền KT của một nước vào các tổ chức hợp tác KT khu vực và toàn cầu, trong đó các thành viên quan hệ với nhau theo những quy định chung. Hiện nay, nội dung của hội nhập KT quốc tế gồm nhiều khía cạnh khác nhau với nhiều hình thức đa dạng. Quá trình hội nhập diễn ra ở nhiều cấp độ và một nước có thể đồng thời tham gia nhiều hình thức từ tổ chức hợp tác song phương giữa hai nước đến hợp tác đa phương để hình thành các tổ chức tiểu vùng, các tổ chức khu vực, liên châu lục và các tổ chức toàn cầu.

Vì thế, khi nghiên cứu về PTKT của một nước, một tỉnh phải nghiên cứu sự tác động của xu thế trên. Để PTKT, bên cạnh phát huy nội lực, tranh thủ nguồn ngoại lực từ bên ngoài là điều hết sức cần thiết.

2.2. Ở Việt Nam

Vấn đề PTKT trong giai đoạn hiện nay rất được quan tâm. Trong các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc, chiến lược phát triển KT - XH của Chính phủ và hội nghị chuyên đề của Ban chấp hành Trung ương Đảng, các hội thảo khoa học, nghiên cứu độc lập của các nhà khoa học được nhắc đến với nhiều khía cạnh khác nhau của PTKT.

Trong các văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, đều coi trọng việc PTKT, CCKT hiện đại và hợp lý ở mỗi địa phương và trong cả nước phù hợp với tiến trình CNH, HĐH là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược PTKT của Việt Nam.

Cơ sở lý luận và thực tiễn về PTKT đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học Việt Nam. Cho đến nay, hàng loạt các công trình nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn về PTKT đã được công bố.

Lê Du Phong và Nguyễn Thành Độ trong cuốn “*Chuyển dịch CCKT trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới*” [49] ngoài việc phân tích thực trạng CCKT theo một số vùng và thành phần kinh tế thời kỳ 1991- 1997, đã làm rõ luận cứ khoa học của PTKT và CCKT theo hướng hội nhập.

Tăng trưởng và phát triển là vấn đề hàng đầu, luôn được các nhà lãnh đạo đất nước, các nhà quản lý, các nhà khoa học ở trong nước cũng như trên thế giới quan tâm, nghiên cứu, tìm hiểu. Tìm được con đường phát triển đúng đắn sẽ làm đất nước hưng thịnh, giàu mạnh và ngược lại, sẽ dẫn đất nước đến nghèo khổ, yếu kém nếu con đường phát triển sai trái, không phù hợp quy luật. Trong quá trình phát triển của loài người, nhất là trong hai thế kỷ gần đây, các nhà khoa học đã không ngừng nghiên cứu, hoàn thiện và đưa ra các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển.

Giáo trình Kinh tế phát triển do GS.TS Vũ Thị Ngọc Phùng chủ biên [50] đã làm rõ những vấn đề lý luận đã được áp dụng cho hoạt động kinh tế ở Việt Nam, những sáng tạo của Việt Nam trong việc lựa chọn đường lối PTKT phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước và môi trường kinh tế quốc tế. Đặc biệt trong giáo trình này, các tác giả đã phân tích các mô hình, lý thuyết tăng trưởng và PTKT. Đây là cơ sở quan trọng giúp tác giả nắm vững và vận dụng vào nghiên cứu PTKT ở tỉnh Đắk Lắk.

Nhóm tác giả PGS. TS Ngô Doãn Vịnh (chủ biên), TS. Nguyễn Xuân Thu, TS. Nguyễn Văn Thành trong cuốn sách "*Bàn về PTKT (Nghiên cứu con đường dẫn tới giàu sang)*" [103] đã đề cập đến các tư tưởng, lý thuyết, quan điểm cơ bản về TTKT, những vấn đề cốt lõi trong nghiên cứu TTKT của nước ta, mối quan hệ giữa TTKT với phát triển bền vững và cơ cấu của nền kinh tế. Ngoài ra, cuốn sách còn đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển con người và nguồn nhân lực để phát triển đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế, giới thiệu các vấn đề cơ bản về tổ chức không gian KT - XH nhằm phát triển đất nước một cách có hiệu quả, bền vững cho Việt Nam khi bước vào thế kỷ XXI.

Cùng tác giả, cuốn "*Phát triển: điều kỳ diệu và bí ẩn*" [102] đã tuyển chọn các công trình nghiên cứu về phát triển KT - XH ở nước ta, với những vấn đề mang tính tổng quan, lý luận như chiến lược phát triển, chủ thuyết phát triển, tư duy chiến lược... và những vấn đề gắn với mô hình phát triển, phát triển chất lượng, quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển... Ngoài ra, tác giả cũng đề cập đến một số định hướng phát triển cụ thể của đất nước như phát triển đội ngũ trí thức, PTKT biển...

Cuốn "*Bối cảnh trong nước, quốc tế và việc nghiên cứu xây dựng chiến lược 2011-2020*" của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [6] đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu của hai thời kỳ Chiến lược (1991- 2000 và 2001- 2010) đã qua; nhận định, phân tích, dự báo tình hình trong nước và quốc tế trong thời kỳ thực hiện chiến lược tới. Đây cũng là cơ sở để nhận diện những cơ hội, thách thức, từ đó xác định nội dung và những yêu cầu đặt ra trong việc xây dựng chiến lược phát triển KT - XH của đất nước.

"*Phát triển bền vững ở Việt Nam. Thành tựu, cơ hội, thách thức và triển vọng*" của Nguyễn Quang Thái, Ngô Thắng Lợi (2007) [58], tập trung phân tích những tiềm năng để PTKT, thành tựu PTKT sau hơn 20 năm đổi mới nền KT - XH của Việt Nam; thời cơ phát triển cũng như nguy cơ tụt hậu về kinh tế. Từ đó đề ra một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế.

Một số công trình khác như: "*Các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*" [62] Ngô Đăng Thành (chủ biên), Trần Quang Tuyền, Mai Thị Thanh Xuân, 2010, NXB Chính trị quốc gia, "*Việt Nam đổi mới và phát triển*", [92] Tuyển tập các tác giả, 2010, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội... đề cập đến những vấn đề mang tính thực tiễn PTKT ở Việt Nam và đưa ra những chiến

lược phát triển cụ thể, những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình PTKT, thực hiện chiến lược CNH, HĐH đất nước.

* *Dưới góc độ địa lý học*, cũng có nhiều công trình, giáo trình về địa lí KT - XH có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, đó là: “*Địa lý KT - XH đại cương*”, (2005), Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) [89]

Giáo trình “*Địa lý KT - XH Việt Nam*”, (2011), tái bản lần thứ 5; Lê Thông (chủ biên) cùng nhóm tác giả [72] đề cập đến cơ sở lý luận và thực tiễn của Việt Nam về các lĩnh vực kinh tế (nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ), và 8 vùng kinh tế. Ngoài ra, giáo trình còn chú trọng các khía cạnh xã hội của Địa lí học.

Một số vấn đề như lao động, việc làm, tình trạng thất nghiệp và chất lượng cuộc sống của nhân dân xét dưới góc độ một số tiêu chí chủ yếu (GDP bình quân đầu người; giáo dục; y tế và chăm sóc sức khỏe; nhà ở...). Vấn đề TCLT của các ngành và các vùng cũng được đề cập đến...

“*Việt Nam, các tỉnh và TP*”, (2010), Lê Thông (chủ biên) [71], đã phác họa bức tranh tương đối hệ thống về thiên nhiên, con người và các hoạt động kinh tế ở mỗi đơn vị hành chính cấp tỉnh. Cuốn sách có giá trị thực tiễn rất lớn trong việc nghiên cứu sự PTKT xã hội của các vùng và các ngành của nước ta.

“*Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam*”, (2009), Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) [86] và “*Việt Nam- các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*” do Lê Thông và Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên) (2012) [74], đã cụ thể hóa thực tế PTKT theo 7 vùng và 4 vùng kinh tế trọng điểm của nước ta. Các vùng này được trình bày theo một cấu trúc thống nhất với các chủ đề về nguồn lực, thực trạng phát triển KT - XH và định hướng phát triển. Cuốn sách này đã đem lại nhiều thông tin khoa học hữu ích và cập nhật về các vùng kinh tế của nước nhà và là tư liệu hữu ích cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu về Tây Nguyên.

“*Địa lí kinh tế- xã hội Việt Nam thời kì hội nhập*”, năm 2006, của Đặng Văn Phan và Nguyễn Kim Hồng [45] trình bày các nguồn lực phát triển KT - XH Việt Nam; Địa lí một số ngành kinh tế của Việt Nam cũng như các vấn đề phát triển KT - XH của các vùng,... giúp tác giả có cách nhìn nhận về cách tổ chức không gian kinh tế, nghiên cứu chiến lược PTKT vùng trong xu thế hội nhập hiện nay.

Đối với vùng Tây Nguyên (TN), cũng có một số công trình khoa học nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của vùng, như: “*Quy hoạch tổng thể phát triển KT -*

XH vùng TN đến năm 2010 (1995) và đến năm 2020” (2012) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [3],[8], của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, năm 1996”.

“PTKT và vấn đề bảo vệ môi trường vùng TN trong tình hình mới” đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ của PGS. TS Nguyễn Minh Tuệ (2006) [88]. Trong nội dung nghiên cứu, tác giả tổng quan cơ sở lý luận về PTKT và môi trường để vận dụng vào vùng TN; phân tích, đánh giá thực trạng PTKT Tây Nguyên và tác động của nó đến môi trường toàn vùng. Ngoài ra, một số công trình nghiên cứu khác: *Nghiên cứu sự biến động và chuyển đổi diện tích các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu ở tỉnh Lâm Đồng*, [52] Luận án Tiến sĩ địa lí, Trường ĐHSPT Hà Nội của tác giả Mai Hà Phương; *Nghiên cứu nội dung hợp lý tài nguyên đất và nước để phát triển nông nghiệp bền vững ở Tây Nguyên*, [84] Luận án Tiến sĩ nông nghiệp, ĐHN nông nghiệp Hà Nội của tác giả Đào Trọng Tứ...

2.3. Nghiên cứu về Đắc Lắc

Nghiên cứu về Đắc Lắc có một số tài liệu và luận án tiến sĩ đã bảo vệ về các điều kiện và sự PTKT nói chung và các ngành kinh tế nói riêng, tiêu biểu là:

Nguyễn Xuân Độ,(2003)[18] *Nghiên cứu, đánh giá các điều kiện địa lý phục vụ phát triển cây công nghiệp dài ngày tỉnh Đắc Lắc*. Luận án Tiến sĩ địa lí, Viện Địa lí, Hà Nội; hoặc tác giả Nguyễn Thị Bích Hà [23] Phân tích thực trạng di dân đến Đắc Lắc và ảnh hưởng của nó tới sự phát triển kinh tế - xã hội, Luận án Tiến sĩ địa lí, trường ĐHSPT Hà Nội;

UBND tỉnh Đắc Lắc, trong *“Kế hoạch phát triển KT - XH 5 năm giai đoạn 2006-2010 tỉnh Đắc Lắc”* và *“Quy hoạch tổng thể KT - XH tỉnh Đắc Lắc đến năm 2020”* (2008)[95] đã đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KT - XH 5 năm 2001-2005 và đưa ra kế hoạch phát triển KT - XH giai đoạn 2006-2010 và đến năm 2020 nhằm tiếp tục đường lối đổi mới của Đảng, đưa kinh tế Đắc Lắc phát triển toàn diện với nhịp độ nhanh hơn trong các lĩnh vực KT - XH, xây dựng vững chắc quốc phòng toàn dân, củng cố hệ thống chính trị, đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH.

- *Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp Đắc Lắc đến năm 2010, có tính đến năm 2020* của UBND tỉnh Đắc Lắc (2005) [96]. Các dự án quy hoạch phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp cũng như quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH của tỉnh được thực hiện theo các giai đoạn nhất định.